

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 16/4/2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 N1 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 N1 2018 về: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 N1 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-MLPT ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Minh N, sinh N1 1955; nơi cư trú: số 42 đường D, khóm H, phường B, thành phố F, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh N1 1961; nơi cư trú: tổ 20, khóm Q, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Th1ện Tr, sinh N1 1953; nơi cư trú: số 42 đường D, khóm H, phường B, thành phố F, tỉnh An Giang.

- Ông Võ Văn N1, sinh N1 1958;

- Ông Võ Hoàng Th1, sinh N1 1989;

- Bà Châu Ngọc X, sinh N1 1989;

- Võ Kiều Ngọc Tr1, sinh N1 2010; có ông Võ Hoàng Th1 đại diện theo pháp luật;

Cùng cư trú: tổ 20, khóm Q, phườngJ, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà N, ông Tr có mặt; các đương sự khác vắng mặt (có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ghi ngày 02 tháng 01 N1 2018, nguyên đơn bà Đào Minh N trình bày:

Nguyên đơn là chủ sử dụng đối với phần đất có diện tích 264,1 m² tọa lạc số 42 Trương Định, khóm Q, phường H, thành phố D tỉnh Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00779 QSDĐ/Bđ do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 11/07/2002. Nguồn gốc đất do nguyên đơn mua của ông Nguyễn Hùng Dũng, sinh N1 1954, nơi cư trú: khóm Q, phường H, thành phố D.

Do công việc làm ăn nên nguyên đơn thường xuyên vắng nhà, bị đơn bà Nguyễn Thị Th có nhà nằm sát ranh phía sau hậu phần đất còn trống của nguyên đơn và đã tự ý cất nhà lấn qua phần đất của nguyên đơn, diện tích 8,76m²; đồng thời phá bỏ hàng rào B40 mà nguyên đơn đã rào chắn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ phần nhà đã cất lấn chiếm qua phần đất của nguyên đơn, diện tích khoảng 8,76m², ước giá trị là 37.668.000 đồng và bị đơn phải bồi thường Th1ệt hại phần hàng rào lưới B40 mà bị đơn đã làm hư hỏng số tiền 16.060.000 đồng.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

- Hợp đồng giao chủ quyền quản lý sử dụng hầm cá tên Lê Hùng Dũng ngày 13/02/1995;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00779 QSDĐ/Bđ do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 11/7/2002.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có ý kiến trình bày:

Bị đơn sử dụng đất theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1499bE do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 31/8/2005, bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn được cấp để xét xử. Về yêu cầu bồi thường Th1ệt hại, bị đơn không phá hoại tài sản của nguyên đơn, không đồng ý bồi thường.

Chứng minh cho ý kiến trình bày, bị đơn cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1499bE do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 31/8/2005.

Ý kiến trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Th1ện Tr thống nhất ý kiến của nguyên đơn bà Đào Minh N, không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Tại biên bản lời khai ngày 11/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Võ Hoàng Th1, bà Châu Ngọc X, ông Võ Văn N1 trình bày:

Hiện các ông, bà đang cư trú cùng với bà Nguyễn Thị Th tại nhà, đất tọa lạc tại tổ 20, khóm Q, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang. Phần đất này gia đình đã sử dụng từ N1 1993, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đến N1 2005 mới đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1499bE do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 31/8/2005 và hồ sơ kỹ thuật khu đất để làm căn cứ xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc xác định vị trí, diện tích, hiện trạng đất tranh chấp; khôi phục mốc ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00779 QSDĐ/Bđ do Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc cấp ngày 11/7/2002 mà nguyên đơn đứng tên chủ sử dụng) và định giá đối với đất tranh chấp.

Tại Bản trích đo hiện trạng khu đất và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018, thể hiện kết quả như sau:

Các điểm: 1, 4, 3, 29, 21, 22, 10, 9, 11, 17, 18 với diện tích 264,1m² đất ở đô thị và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, vẽ từ hồ sơ địa chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00779 Bđ ngày 11/7/2002 do Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc cấp cho bà Đào Minh N. Trong đó, các điểm: 13, 14, 30 có diện tích 0,4m² và các điểm 32, 31, 16 với diện tích 0,3m² nằm trong phần đất đã cấp cho bà Đào Minh N.

Kết luận định giá ngày 17/8/2017, Hội đồng định giá xác định: Đất tranh chấp thuộc loại đất nuôi trồng thủy sản trong giới hạn đô thị, có giá 120.000 đồng/1m².

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên họp ngày 27/12/2018, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện đối với phần diện tích đất thể hiện tại các điểm: 13, 14, 30, 32, 31, 16 trên Bản trích đo hiện trạng khu đất và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018, có diện tích tổng cộng là 0,7m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đứng tên chủ sử dụng.

Ngoài ra, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 30/10/2018, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện bị đơn bồi thường Th1ết hại phần hàng rào lưới B40 mà bị đơn đã làm hư hỏng với số tiền 16.060.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và ông Nguyễn Th1ệt Tr xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không cung cấp bổ sung hoặc đề nghị Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ khác.

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình tố tụng. Cụ thể, nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn cùng những người cùng cư trú với bị đơn tháo dỡ phần vật kiến trúc mà bị đơn trong quá trình cất nhà đã lấn qua phần đất của nguyên đơn có tổng diện tích được xác định là 0,7m². Trong đó, gồm phần đất được giới hạn tại các điểm 13, 14, 30 với diện tích 0,4m² và phần đất tại các điểm 32, 31, 16 với diện tích 0,3m² theo kết quả đo đạc, khôi phục mốc ranh đất của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc thể hiện tại Bản trích đo hiện trạng khu đất và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/2018, rút yêu cầu khởi kiện bị đơn bồi thường Th1ệt hại làm hư hỏng hàng rào lưới B40 với số tiền 16.060.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự N1 2015 (gọi tắt BLTTDS).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Hoàng Th1, Châu Ngọc X, Võ Văn N1 có yêu cầu xét xử vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

- Về giải quyết vụ án: N1 2002 bà Đào Minh N được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00779Bd thể hiện ở các vị trí theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018, các điểm: 1, 4, 3, 29, 21, 22, 10, 9, 11, 17, 18, với diện tích 264,1m². Ngoài ra, bản trích đo hiện trạng còn thể hiện tại các điểm 13, 14, 30 với diện tích 0,4m²; các điểm 32, 31, 16 diện tích 0,3m² mà bà Th đang sử dụng thuộc phần diện tích đất mà bà Đào Minh N được cấp giấy chứng nhận. Bà Th xây nhà, công trình kiến trúc có lấn chiếm qua phần diện tích mà bà N được cấp giấy chứng nhận. Do đó, việc bà N yêu cầu bà Th tháo dỡ trả lại hiện trạng đất đã lấn chiếm theo bản trích đo hiện trạng trong diện tích lấn chiếm là 0,7m² là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường Th1ệt hại hàng rào hư hỏng do bà N đã rút yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự N1 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng,

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả phần đất lấn chiếm có tổng diện tích 0,7m² thể hiện tại các điểm 13, 14, 30, diện tích 0,4m² và các điểm 32, 31, 16, diện tích 0,3m² trên Bản trích hiện trạng và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018; đất tranh chấp tọa lạc tại khóm Q, phường H, thành phố D. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ việc sử dụng đất của các chủ sử dụng đất liền kề và tranh chấp đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B nên đủ điều kiện Tòa án thụ lý vụ án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại số tiền 16.060.000 đồng đối với bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[3] Ngoài bị đơn, còn có các ông, bà gồm: Võ Văn N1, Võ Hoàng Th1, Châu Ngọc X và cháu Võ Kiều Ngọc Tr1 (con của Võ Hoàng Th1) hiện đang cùng cư trú với bị đơn trên phần diện tích đất tranh chấp theo lời khai của bị đơn; ông Nguyễn Th1ện Tr là chồng của nguyên đơn và hiện đang cùng nguyên đơn sinh sống trên diện tích đất mà nguyên đơn đứng tên chủ sử dụng và đang tranh chấp với bị đơn nên Tòa án đưa tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 và Điều 69 BLTTDS.

Về nội dung,

[4] Bị đơn cho rằng căn nhà mà bị đơn cùng các thành viên khác trong gia đình đang cùng cư trú là được cất theo đúng diện tích đất mà bị đơn được cấp quyền sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1499bE do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, cấp ngày 31/8/2005. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng Tòa án đã giải thích và yêu cầu bị đơn liên hệ Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc ký hợp đồng đo đạc hiện trạng sử dụng đất và khôi phục mốc ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn nhưng bị đơn không đồng ý thực hiện. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 21/3/2019, trên cơ sở yêu cầu của bị đơn, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ - đo đạc hiện trạng căn nhà bị đơn cùng gia đình cư trú và khôi phục mốc ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1499bE do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, cấp ngày 31/8/2005 mà bị đơn và ông Võ Văn N1 cùng đứng tên chủ sử dụng. Do bị đơn không đồng ý

việc ký hợp đồng thực hiện với Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc cho rằng điều kiện kinh tế khó khăn nên việc thu thập bổ sung chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn không thực hiện được.

[5] Khoản 1 Điều 91 BLTTDS quy định: *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*; đồng thời khoản 4 Điều 91 BLTTDS cũng quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*. Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng bị đơn khai sử dụng đất trong phạm vi diện tích đất mà bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng không thực hiện việc ký hợp đồng đo đạc hiện trạng và khôi phục mốc ranh đất để chứng minh cho ý kiến trình bày nên không có căn cứ để Tòa án xem xét, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết.

[6] Tại Bản trích đo hiện trạng khu đất và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018, thể hiện kết quả đo đạc và khôi phục mốc ranh đất như sau:

Các điểm: 1, 4, 3, 29, 21, 22, 10, 9, 11, 17, 18 với diện tích 264,1m² là phần đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00779 Bđ do Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc cấp cho nguyên đơn ngày 11/7/2002. Trong đó, các điểm: 13, 14, 30 có diện tích 0,4m² và các điểm 32, 31, 16 có diện tích 0,3m² là phần đất tranh chấp mà bị đơn đang cùng các thành viên khác trong gia đình sử dụng nằm trong phần đất có diện tích 264,1m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013 quy định quyền chung của người sử dụng đất như sau: *Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình*.

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*.

Căn cứ kết quả đo đạc và khôi phục mốc ranh đất của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018 cùng quy định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, thấy rằng việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, xét chấp nhận như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Quá trình tố tụng, phát sinh chi phí tố tụng 4.216.400 đồng, trong đó chi phí hợp đồng đo đạc, khôi phục mốc ranh là 3.216.000 đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 BLTTDS. Xét,

buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.216.400 đồng – chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm nộp.

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn 1.343.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/00015063 ngày 16/01/2018 của Chi cục Th1 hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự N1 2015; Điều 147, 157, 165, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự N1 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Th cùng các ông, bà: Võ Văn N1, Võ Hoàng Th1, Châu Ngọc X, Võ Kiều Ngọc Tr1 có trách nhiệm tháo dỡ vật kiến trúc trả lại cho bà Đào Minh N phần đất có diện tích 0,4m² được giới hạn bởi các điểm: 13, 14, 30 và phần đất có diện tích 0,3m² được giới hạn bởi các điểm: 32, 31, 16 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất và phục hồi mốc ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Đốc lập ngày 23/7/2018.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường Th1ệt hại làm hư hỏng hàng rào lưới B40, số tiền 16.060.000 (*mười sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Đào Minh N số tiền 4.216.400 (*bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn bốn trăm*) đồng - chi phí hợp đồng đo đạc, khôi phục mốc ranh; xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th1 hành án của người được Th1 hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th1 hành án) cho đến khi Th1 hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải Th1 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th1 hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự N1 2015.

4. Về án phí: Hoàn trả cho bà Đào Minh N 1.343.000 (*một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng, số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/00015063 ngày 16/01/2018 của Chi cục Th1 hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đào Minh N, ông Nguyễn Th1ện Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th cùng các ông, bà: Võ Văn N1, Võ Hoàng Th1, Châu Ngọc X, Võ Kiều Ngọc Tr1 là 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được Th1 hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th1 hành án dân sự thì người được Th1 hành án dân sự, người phải Th1 hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th1 hành án, quyền yêu cầu Th1 hành án, tự nguyện Th1 hành án hoặc bị cưỡng chế Th1 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th1 hành án dân sự; thời hiệu Th1 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th1 hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Th1 hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm